

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2022.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình  
– ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Thới Phần.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lam Minh Tâm.
2. Ông Nguyễn Thanh Chắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim Ch, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Kim Ch trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2014, chị Lê Kim Ch và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hậu

Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị Ch yêu cầu xin ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Quá trình chung sống chị Ch và anh T có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2014. Cháu B hiện đang sống chung với chị Ch. Khi ly hôn chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được lời trình bày của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

*Về thủ tục tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Lê Kim Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ch và anh T.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Ch cho ly hôn giữa chị Ch và anh T; giao cháu B cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng; Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu B do chị Ch chưa yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; án phí đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Lê Kim Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Văn T và yêu cầu được nuôi con chung. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều

53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Kim Ch vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ch và anh T nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Ch và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Ch cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể hàn gắn, chị Ch không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh chị thể hiện vợ chồng anh chị không còn sống chung với nhau và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Ch và anh T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị Ch yêu cầu xin ly hôn với anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch. Cho chị Ch và anh T được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy, từ khi chị Ch và anh T ly thân cho đến nay, cháu B sống chung với chị Ch, được chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu B nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu B cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu B do chị Ch chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Ch khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ch phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Ch đối với anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Kim Ch và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2014 cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu B do chị Ch chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kim Ch phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp theo lai thu số 0006258 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Ngọc Thới Phần**